NGHIÊN CỨU LỖI DIỄN ĐẠT LẠI TRONG PHẦN MỞ ĐẦU BÀI LUẬN HỌC THUẬT CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ BA NGÀNH NGÔN NGỮ ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

LÊ HÀ CẨM TIÊN
NGUYỄN CHÂU CẨM TÚ
VÕ PHAN KỲ VỸ
Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Quy Nhơn

Nhận bài ngày 12/02/2025. Sửa chữa xong 28/02/2025. Duyệt đăng 07/3/2025.

Tóm tắt

Paraphrasing is a crucial skill in academic writing, necessary for avoiding plagiarism and effectively integrating external sources. This study investigates paraphrasing errors in academic essay introductions by third-year English majors at Quy Nhon University. Analysis of 40 essays identified three main error categories: linguistic errors, conventional errors, and semantic errors. Common issues included subject-verb agreement errors, inappropriate synonym use, and awkward sentence structures, which stemmed from L1 interference, limited vocabulary, and cognitive overload. The study highlights the need for integrated teaching approaches to improve both technical and rhetorical aspects of paraphrasing in academic writing.

Keywords: *Academic writing, paraphrasing, paraphrasing error, English majors, Quy Nhon University.*

1. Đặt vấn đề

Trong môi trường học thuật hiện đại, diễn đạt lại (paraphrase) là một kỹ năng nền tảng đối với sinh viên (SV) bậc đại học, đặc biệt đối với những người đang theo học chuyên ngành ngôn ngữ. Diễn đạt lại ý tưởng của tác giả khác bằng ngôn từ của chính mình trong khi vẫn giữ nguyên ý nghĩa ban đầu là một nhiệm vụ phức tạp về nhận thức và ngôn ngữ, đòi hỏi khả năng đọc hiểu, tư duy phản biện, vốn từ vựng phong phú và kỹ năng viết thành thạo. Đối với người học Tiếng Anh như ngoại ngữ (EFL - English as a Foreign Language), việc thành thạo kỹ năng này đặt ra không ít thách thức do giới hạn ngôn ngữ, chưa quen với các quy tắc học thuật và khó khăn trong việc hiểu văn bản nguồn.

Khả năng diễn đạt lại một cách hiệu quả có vai trò quan trọng vì nhiều lý do. Thứ nhất, nó thể hiện sự hiểu biết của SV đối với tài liệu nguồn, cho phép họ tham gia vào diễn ngôn học thuật một cách ý nghĩa. Thứ hai, điều này giúp tránh đạo văn bằng cách thừa nhận quyền sở hữu trí tuệ trong khi lồng ghép ý tưởng của người khác vào bài viết của mình. Thứ ba, giúp SV phát triển tiếng nói học thuật riêng bằng cách đan xen nhiều quan điểm khác nhau thành các luận điểm mạch lạc. Bailey [1] khẳng định rằng năng lực diễn đạt lại ý tưởng của người khác đồng thời bảo toàn ý nghĩa cốt lõi là yếu tố phân biệt những người viết học thuật thành công với những người gặp khó khăn trong việc viết khoa học. Tại các trường đại học Việt Nam, SV chuyên ngành Tiếng Anh được kỳ vọng phát triển khả năng viết học thuật cao, bao gồm chiến lược diễn đạt lại hiệu quả. Tuy nhiên, qua quan sát và nghiên cứu sơ bộ cho thấy nhiều SV gặp khó khăn với kỹ năng này, thường tạo ra những đoạn diễn đạt lại sai lệch ý nghĩa, quá giống với văn bản gốc hoặc không trích dẫn nguồn đầy đủ. Những vấn đề đó đặc biệt rõ rệt trong phần mở đầu của bài luận học thuật - nơi SV phải tổng hợp và phản hồi các tài liệu hiện có.

Nghiên cứu hiện tại tập trung vào SV năm thứ ba chuyên ngành Tiếng Anh tại Trường Đại học Quy Nhơn, xem xét các lỗi diễn đạt lại trong phần mở đầu bài luận học thuật của họ. Đến năm thứ ba, SV

Email: lehacamtien@qnu.edu.vn

đã hoàn thành các khóa viết cơ bản và được mong đợi có thể sản xuất các văn bản học thuật phức tạp hơn, khiến họ trở thành nhóm đối tượng phù hợp để khảo sát năng lực diễn đạt lại. Nghiên cứu tập trung trả lời các câu hỏi sau: 1. Các loại lỗi diễn đại lại nào mà SV năm thứ ba ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Quy Nhơn mắc phải trong phần mở bài bài luận học thuật của họ?; 2. Những lỗi này liên quan như thế nào đến các chức năng cụ thể của phần mở bài trong bài luận học thuật?

2. Một số khái niệm cơ bản

2.1. Kỹ năng diễn đạt lại trong phần mở đầu bài luận học thuật

Diễn đạt lại là một kỹ năng học thuật quan trọng, liên quan đến việc diễn đạt lại ý tưởng của người khác bằng ngôn từ khác mà vẫn giữ nguyên ý nghĩa ban đầu. Hội đồng Anh (British Council) [2] định nghĩa diễn đạt lại là "*Một cách sử dụng từ ngữ khác nhau để diễn đạt cùng một ý tưởng*" nhấn mạnh vai trò của nó trong việc thể hiện sự hiểu biết đối với tài liệu nguồn, đồng thời tránh đạo văn. Trong bối cảnh học thuật, diễn đạt lại hiệu quả phục vụ nhiều mục đích: nó thể hiện sự hiểu, tích hợp chứng cứ vào lập luận và thừa nhận quyền sở hữu trí tuệ của tác giả gốc.

Tác giả Hirvela và Du [3] lưu ý, diễn đạt lại bao hàm cả khía cạnh nhận thức lẫn ngôn ngữ, đòi hỏi SV vừa hiểu đầy đủ văn bản gốc vừa diễn đạt lại bằng nguồn lực ngôn ngữ của mình. Chính thách thức kép này làm cho diễn đạt lại trở thành nhiệm vụ đặc biệt khó khăn đối với người học EFL, khi họ phải đồng thời xử lý hiểu nội dung và sản sinh ngôn ngữ. Howard và cộng sự [4] cho rằng việc thực hành diễn đạt lại đúng quy cách là điểm phân biệt giữa người viết mới vào nghề và những học giả thành thạo, trong đó nhóm sau thể hiện sự gắn kết phức tạp hơn với tài liệu nguồn. Hơn nữa, Pecorari [5] đề xuất rằng sự thành thạo diễn đạt lại có tương quan với thành công trong học thuật và phát triển kỹ năng tư duy phản biện. Các nghiên cứu đã chỉ ra một số chiến lược diễn đạt lại hiệu quả. Hội đồng Anh [2] liệt kê 5 kỹ thuật chính: sử dụng từ đồng nghĩa, thay đổi dạng từ, thay đổi cấu trúc câu, sử dụng biến đổi dạng chủ động/bị động, và tổ chức lại trật tự thông tin. Tương tự, Bailey [1] đề xuất một cách tiếp cận toàn diện bao gồm thay thế từ vựng, cải biến cấu trúc cú pháp và tổ chức lại nội dung văn bản. Theo mô hình CARS [6], phần mở đầu bài luận gồm ba bước: thiết lập phạm vi nghiên cứu, xác định khoảng trống nghiên cứu và giới thiệu nghiên cứu hiện tại. Trong phần mở bài, các kỹ thuật này được áp dụng vào ba chức năng chính. Đầu tiên, việc diễn đạt lại đề bài giúp người viết thể hiện sự hiểu rõ đề bài bằng cách trình bày lại câu hỏi hoặc chủ đề bằng ngôn ngữ riêng nhưng vẫn giữ nguyên ý nghĩa. Tiếp theo, tích hợp thông tin nguồn yêu cầu người viết diễn đạt lại thông tin từ các nguồn tài liệu để thiết lập bối cảnh và tăng tính thuyết phục cho bài luận. Cuối cùng, trình bày luận điểm là bước đưa ra quan điểm chính của bài luận, yêu cầu sự chính xác và tính nhất quán trong diễn đạt lại.

Như vậy, việc nắm vững những kỹ thuật này là thách thức đối với người học EFL. Chi và Nguyễn [7] nhận thấy SV Việt Nam thường xuyên dựa vào thay thế từ đồng nghĩa nhưng hiếm khi cố gắng tái cấu trúc câu sâu hơn, phạm vi chiến lược diễn đạt lại của họ còn hạn chế. Điều này có nghĩa là nhiều SV tập trung vào thay đổi ở cấp từ ngữ và bỏ qua những biến đổi cấu trúc rộng hơn.

2.2. Các loại lỗi diễn đạt lại trong phần mở đầu bài luận

Các lỗi trong quá trình diễn đạt lại có thể được phân loại một cách hệ thống nhằm tạo thuận lợi cho việc phân tích và khắc phục. Dựa trên các khung phân tích lỗi trong ngôn ngữ học ứng dụng, nghiên cứu này áp dụng phân loại lỗi theo ba cấp: lỗi ngôn ngữ (linguistic errors), lỗi quy ước (conventional errors) và lỗi ngữ nghĩa (semantic errors).

Lỗi ngôn ngữ bao gồm các vấn đề về ngữ pháp, cú pháp và lựa chọn từ. Letsoela và Matlosa [8] xác định các lỗi ngữ nghĩa từ vựng trong viết học thuật là nhầm lẫn quan hệ nghĩa, lỗi kết hợp từ và lỗi dịch thuật - thường do vốn từ hạn chế hoặc ảnh hưởng tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ (L1). Hemchua và Schmitt [9] cho rằng SV thường gặp khó khăn với từ gần nghĩa khi lựa chọn từ không phù hợp với ngữ cảnh. Lỗi ngữ pháp phổ biến gồm lỗi hòa hợp chủ-vị, sự nhất quán thì và sử dụng mạo từ, giới từ. Phạm và Hồ [10] nhấn mạnh rằng SV EFL Việt Nam thường mắc lỗi câu chạy dài hoặc câu cụt khi dùng cấu trúc phức tạp, do sự khác biệt giữa cú pháp tiếng Việt và tiếng Anh.

Lỗi quy ước liên quan đến chuẩn mực viết học thuật và trích dẫn. Hội đồng Anh cho rằng diễn đạt lại mà không trích dẫn nguồn là vấn đề phổ biến với người học EFL. Loh [11] phát hiện SV Malaysia thường không tuân thủ quy tắc trích dẫn khi gặp khó khăn trong hiểu văn bản gốc. Theo Hướng dẫn Học thuật của Đại học Walden, việc không thừa nhận nguồn được coi là đạo văn [12]. Howard và cộng sự [4] mô tả chắp vá văn bản (patchwriting) - ghép nối các đoạn từ nguồn với ít thay đổi là một chiến lược diễn đạt lại không hiệu quả. Lỗi quy ước thường bao gồm thiếu trích dẫn, trích dẫn không chính xác hoặc sử dụng dấu ngoặc kép sai.

Lỗi ngữ nghĩa bao gồm sự sai lệch hoặc biến đổi thông điệp gốc. Loh [11] xếp các lỗi này vào nhóm lỗi nội dung, bao gồm thay đổi ý nghĩa, diễn đạt tối nghĩa hoặc thêm thông tin không cần thiết. Pecorari [5] cho rằng lỗi này thường do hiểu không đầy đủ văn bản nguồn hoặc không diễn đạt được ý tưởng phức tạp. Lỗi diễn giải sai (interpretation errors) xảy ra khi SV hiểu sai ý định của tác giả hoặc mối quan hệ giữa các khái niệm, dẫn đến bóp méo ý nghĩa. Howard (2007) nhận định rằng những lỗi này phản ánh vấn đề đọc hiểu và tư duy phản biện hơn là chỉ do hạn chế ngôn ngữ [13].

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp kết hợp định lượng và định tính để phân tích lỗi diễn đạt lại trong phần mở bài của bài luận học thuật. Phân tích định lượng xác định và phân loại lỗi theo tần suất, trong khi phân tích định tính tìm hiểu bản chất và nguyên nhân của các lỗi.

Đối tượng nghiên cứu là 40 SV năm thứ ba ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Quy Nhơn (năm học 2024-2025) đã hoàn thành các khóa học viết học thuật. Dữ liệu được thu thập từ bài mở đầu của bài luận về chủ đề: "*More and more people are opting for ready-made food instead of freshly cooked food. Does this development have more advantages than disadvantages*?" (Ngày càng nhiều người lựa chọn thực phẩm chế biến sẵn thay vì thực phẩm tươi tự nấu. Sự phát triển này mang lại nhiều lợi ích hơn hay bất lợi hơn?). SV được cung cấp văn bản nguồn trước khi viết để tích hợp thông tin qua diễn đạt lại.

4. Kết quả nghiên cứu

Phân tích 40 phần mở đầu bài luận cho thấy tổng cộng 328 lỗi diễn đạt lại. Các lỗi này được phân loại theo khung ba cấp và sự phân bố của chúng được trình bày trong bảng 1 dưới đây. Bảng này tổng hợp cả phân bố lỗi tổng thể qua ba nhóm chính cũng như chi tiết các nhóm phụ trong từng nhóm.

Nhóm/Phân nhóm	Số lượng lỗi	% trong Nhóm	% trên Tổng số lỗi
Lỗi Ngôn ngữ (Tổng)	**271**	**100%**	**75,3%**
Lỗi từ vựng (lexical errors)	83	30,6%	23,1%
Lỗi cú pháp (syntactic errors)	50	18,5%	13,8%
Lỗi ngữ pháp (grammatical errors)	138	50,9%	38,3%
Lỗi Ngữ nghĩa (Tổng)	**35**	**100%**	**10,7%**
Lỗi diễn giải sai (interpretation errors)	18	51,4%	5,5%
Biến đổi ý nghĩa (meaning alteration)	18	51,4%	5,5%
Thiếu thông tin (information omission)	10	28,6%	3,0%
Thêm thông tin (information addition)	7	20,0%	2,2%
Lỗi Quy ước (Tổng)	**36**	**100%**	**10,9%**
Chưa chỉnh sửa đủ (insufficient modification)	14	38,9%	3,8%
Lỗi chắp vá (patchwriting)	8	22,2%	2,2%
Sao chép trực tiếp (direct copying)	14	38,9%	3,8%
Tổng số lỗi	**328**	**–**	**100%**

Bảng 1: Phân bố lỗi diễn đạt lại theo nhóm và phân nhóm

4.1. Lỗi ngôn ngữ (Linguistic Errors)

Lỗi ngôn ngữ bao gồm các sai sót về ngữ pháp, từ vựng và cú pháp trong quá trình diễn đạt lại. Đây là nhóm lỗi phổ biến nhất, phản ánh hạn chế về năng lực ngôn ngữ của SV EFL. Kết quả cho thấy lỗi

ngôn ngữ chiếm phần lớn nhất trong các lỗi đã phát hiện, tương đồng với các nghiên cứu trước đây khi viết tiếng Anh của SV Việt Nam. Trong nhóm này, lỗi ngữ pháp nổi bật nhất với 138 trường hợp (42,1%), tiếp theo là lỗi từ vựng (83 lỗi, 25,3%) và lỗi cú pháp (50 lỗi, 15,2%).

Lỗi ngữ pháp: Các lỗi ngữ pháp thường gặp bao gồm lỗi hòa hợp chủ ngữ-vị ngữ, dùng mạo từ, thì động từ, giới từ và đại từ. Lỗi hòa hợp chủ-vị là dạng phổ biến nhất, ví dụ: *"The tendency of choosing ready-made food instead of fresh-cooked meals have become more common nowadays"*. Ở đây động từ "have" được dùng sai cho chủ ngữ số ít *"tendency"*, lẽ ra phải là "has". Lỗi này xuất phát từ ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt không biến đổi động từ theo chủ ngữ). Tương tự, lỗi dùng mạo từ cũng khá phổ biến do SV thường bỏ quên mạo từ hoặc dùng sai (*"In recent years, Ø number of people choosing ready-made food has increased…"* thay vì "the number"). Nguyên nhân là tiếng Việt không có hệ thống mạo từ tương đương, khiến người học lúng túng khi xác định sử dụng mạo từ trong tiếng Anh học thuật. Bên cạnh đó, lỗi thì động từ xảy ra khi SV không duy trì nhất quán thời gian, làm câu văn thiếu logic thời gian. Ví dụ: *"Recently, the popularity of ready-made food surge because of busy lifestyles"* - Động từ "surge" dùng ở hiện tại đơn thay vì thì hiện tại hoàn thành "has surged", gây khó hiểu về mốc thời gian.

Lỗi từ vựng: lỗi đáng chú ý gồm sai dạng thức từ và văn phong không phù hợp. Lỗi dạng thức từ xảy ra khi dùng sai dạng từ (danh, động, tính từ hoặc trạng từ), làm giảm độ chính xác của diễn đạt. Ví dụ: *"the popularity of ready-made food has increase significant due to busy lifestyles"* (SV35) - Ở đây người viết dùng "increase" (động từ nguyên thể) thay vì "increased" (quá khứ phân từ) và "significant" (tính từ) thay vì "significantly" (trạng từ). Những nhầm lẫn này khiến câu văn thiếu tính học thuật và mạch lạc. Bên cạnh đó, lỗi văn phong xuất hiện khi SV thường sử dụng từ ngữ quá thông tục, không phù hợp văn cảnh học thuật. Ví dụ: *"this trend brings many good things,... the bad stuff it causes is more dangerous..."* - cách dùng *"good things"*, *"bad stuff"* quá suồng sã, làm giảm tính trang trọng của bài viết. Điều này cho thấy khó khăn trong việc chuyển từ phong cách ngôn ngữ đời thường sang học thuật.

Lỗi cú pháp: Bao hàm sai sót về cấu trúc câu và trật tự từ. Có 50 lỗi cú pháp (15,2%) được ghi nhận. Phổ biến nhất là lỗi thay đổi cấu trúc câu thiếu tự nhiên, xảy ra khi SV cố gắng biến đổi cấu trúc câu gốc nhưng kết quả câu văn trở nên lủng củng. Ví dụ: *"Ready-made food, due to busy lifestyles and the need for convenience, is chosen increasingly more by people, making this trend very popular nowadays"* - SV đã đảo và chèn nhiều cụm từ khiến câu trở nên dài dòng, thiếu tự nhiên. Ngoài ra, lỗi thứ tự từ có 22 trường hợp, khi các thành phần trong câu bị sắp xếp sai vị trí. Chẳng hạn: *"The choice of food ready-made instead of food freshly cooked is becoming popular more and more"* - Tính từ *"ready-made"*, cụm trạng từ *"more and more"* và cụm *"freshly cooked"* đặt không đúng vị trí. Kết quả là câu văn khó hiểu và không tự nhiên. Nguyên nhân thường do SV áp dụng cấu trúc câu tiếng Việt (vốn linh hoạt thứ tự từ) vào tiếng Anh.

4.2. Lỗi quy ước (Conventional Errors)

Lỗi quy ước đề cập đến những lỗi vi phạm quy tắc và thông lệ diễn đạt lại học thuật khi SV diễn đạt lại nhưng chưa đảm bảo khoảng cách cần thiết với văn bản gốc. Trong nghiên cứu, các lỗi kiểu này chiếm tổng cộng 22 trường hợp bị xác định rõ là đạo văn (6,7%). Nếu tính cả những trường hợp chỉ thay từ đồng nghĩa không phù hợp (32 lỗi đã nêu ở phần lỗi từ vựng) như một dạng biến đổi chưa đủ thì tổng số lỗi quy ước có thể lên đến khoảng 16,5% tổng số lỗi cho thấy nhiều SV chưa tuân thủ đúng quy tắc diễn đạt lại.

Sao chép gần nguyên văn: Đây là lỗi khi SV chỉ thay đổi rất ít so với câu gốc, thường chỉ đổi một vài từ bằng từ đồng nghĩa hoặc đảo vị trí từ, khiến câu diễn đạt lại gần như trùng lặp với nguồn. Có 14 trường hợp sao chép gần nguyên văn được ghi nhận (4,3%). Ví dụ: Câu gốc *"More and more people are opting for ready-made food instead of freshly cooked food."* được hai SV diễn đạt lại thành *"More and more people are opting for ready-made food instead of freshly prepared meals"* (SV1, SV5). Ở đây, người viết chỉ thay "cooked" bằng "prepared" nhưng giữ nguyên cấu trúc và từ ngữ còn lại. Theo tiêu chuẩn học thuật, thay một vài từ đơn lẻ mà không thay đổi cấu trúc hay ý nghĩa vẫn bị xem là đạo văn. Walden University cũng nhấn mạnh việc dùng từ đồng nghĩa đơn thuần mà không tạo sự khác biệt thực chất về diễn đạt

là một dạng plagiarizing không chấp nhận được [12]. Lỗi này cho thấy SV có thể chưa ý thức được mức độ biến đổi cần thiết khi diễn đạt lại hoặc sợ thay đổi ý nên chỉ dám thay từ.

Chắp vá câu chữ (Patchwriting): Lỗi này xảy ra khi SV ghép các phần câu từ nguồn khác nhau với rất ít chỉnh sửa, tạo thành một câu mới nhưng thiếu tính mạch lạc và dấu ấn cá nhân. Có 8 trường hợp patchwriting (2,4%) được phát hiện. Ví dụ: SV lấy hai ý từ hai nguồn: *"The shift towards ready-made food has become increasingly evident in modern society"* và *"Although this trend brings certain conveniences, it still poses many dangers to human health"*, rồi ghép lại thành: *"The shift towards ready-made food has become increasingly evident, although it brings certain conveniences, it still poses dangers to health".* Câu diễn đạt lại này hầu như chắp nối trực tiếp hai câu gốc với chút ít thay đổi về liên từ, dẫn đến kết quả rời rạc và không thể hiện được hiểu biết thực sự của người viết. Howard định nghĩa patchwriting chính là *"Sao chép văn bản nguồn rồi xóa vài từ, thay đổi cấu trúc ngữ pháp hoặc thay từ đồng nghĩa"* [13]. Dù tinh vi hơn sao chép y nguyên, patchwriting vẫn bị xem là kỹ thuật diễn đạt lại không đạt yêu cầu, thể hiện người viết hiểu hời hợt nội dung gốc.

Thay từ đồng nghĩa không phù hợp: Nhiều SV có xu hướng diễn đạt lại bằng cách thay thế từ vựng bằng đồng nghĩa một cách máy móc nhưng chọn từ không phù hợp ngữ cảnh hoặc sắc thái, làm cho câu văn không tự nhiên. Đây vốn được xem là một lỗi từ vựng, nhưng xét theo khung Kim & Lee có thể coi là lỗi quy ước, vì người viết chỉ biến đổi bề mặt từ ngữ mà không đảm bảo diễn đạt đúng nghĩa và đúng cách [14]. Ví dụ: *"This alteration brings both benefits and drawbacks, and checking these aspects can help decide whether it is a favorable evolution".* Ở đây SV dùng "*alteration*" thay cho "*development*" và "*checking these aspects*" thay cho "*examining these factors*", những lựa chọn từ đồng nghĩa không chuẩn xác khiến câu văn trở nên lạ lẫm, thiếu tính học thuật. Cách diễn đạt trên vi phạm quy tắc vì chỉ thay từ đơn lẻ mà không đảm bảo sự phù hợp về ngữ nghĩa và văn phong, làm câu văn kém rõ ràng. Lỗi này cho thấy SV chưa thành thạo kỹ thuật diễn đạt lại, nhầm tưởng rằng chỉ cần đổi từ đồng nghĩa là đủ thay vì hiểu và viết lại ý theo cách của mình.

4.3. Lỗi ngữ nghĩa (Semantic Errors)

Lỗi ngữ nghĩa là những lỗi liên quan đến *sai lệch ý nghĩa* so với nguồn gốc hoặc yêu cầu đề bài. Nhóm lỗi này gồm: thay đổi hoặc hiểu sai ý chính, bỏ quên thông tin quan trọng hoặc thêm thắt thông tin không có trong bản gốc. Tổng cộng có 35 lỗi ngữ nghĩa (10,7%), tuy chiếm tỷ lệ không lớn nhưng ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng nội dung phần mở bài. Nếu phần mở bài diễn đạt sai ý, bài luận sẽ đi chệch hướng ngay từ đầu.

Thay đổi ý nghĩa gốc: Đây là lỗi phổ biến nhất trong nhóm ngữ nghĩa, với 18 trường hợp (5,5%). Lỗi xảy ra khi SV diễn đạt lại nhưng làm biến đổi ý chính của câu hỏi hoặc nguồn. Ví dụ: Đề bài gốc hỏi *"Does this development have more advantages than disadvantages?"* (một câu hỏi mở yêu cầu thảo luận khách quan). Tuy nhiên, một SV đã viết: *"While this trend has some benefits, I believe it has more advantages than disadvantages"*. Câu này đã biến câu hỏi trung lập thành một khẳng định thiên lệch rằng xu hướng có nhiều lợi ích hơn bất lợi. Như vậy, ý nghĩa đã bị thay đổi: từ chỗ đề bài yêu cầu thảo luận hai mặt, SV lại đưa ra kết luận một chiều ngay trong phần mở bài. Lỗi này cho thấy có thể SV chưa hiểu đúng yêu cầu đề hoặc vội đưa ý kiến cá nhân khi chưa phân tích đầy đủ. Việc thay đổi ý gốc sẽ dẫn đến việc toàn bài luận đi lệch trọng tâm.

Bỏ sót thông tin quan trọng: Có 10 trường hợp (3,0%) SV không đề cập đủ ý chính của câu hỏi hoặc nguồn khi diễn đạt lại. Điều này thường xảy ra khi câu gốc có hai hoặc nhiều ý cần đề cập nhưng người viết chỉ diễn đạt lại một phần. Ví dụ: *"The movement toward ready-made food is obvious in society now. It brings some conveniences"*. Ở đây, SV đã mô tả xu hướng và lợi ích nhưng bỏ sót vế so sánh giữa lợi ích và bất lợi như đề bài gốc yêu cầu. Sự thiếu hụt này làm phần mở bài thiếu cân đối và không nêu đủ bối cảnh cho luận điểm. Lỗi bỏ sót thường do SV đọc hiểu chưa kỹ đề bài hoặc văn bản nguồn, dẫn đến việc họ không nắm được tất cả chi tiết cần thiết khi diễn đạt lại.

Thêm thông tin không phù hợp: 7 trường hợp (2,2%) ghi nhận lỗi SV tự ý bổ sung thông tin hoặc ý kiến không có trong nguồn. Ví dụ: *"The habit of choosing ready-made food... has become more popular in*

modern ***society because people are too busy to cook at home.***" Phần in đậm là lý do SV tự thêm vào. Mặc dù "mọi người bận rộn" nghe có lý, đề bài gốc không hề đề cập đến lý do này. Việc thêm chi tiết ngoài lề như vậy có thể khiến người đọc hiểu sai trọng tâm vấn đề được thảo luận hoặc cho rằng người viết đang suy diễn không có căn cứ từ nguồn. Lỗi này có thể xuất phát từ mong muốn giải thích thêm của SV nhưng lại vượt quá phạm vi thông tin gốc.

5. Kết luận

Nghiên cứu này phân tích các lỗi diễn đạt lại trong phần mở đầu bài luận học thuật của SV năm thứ ba chuyên ngành Tiếng Anh tại Trường Đại học Quy Nhơn. Kết quả cho thấy lỗi ngôn ngữ chiếm tỷ lệ cao nhất (75,3%), tiếp theo là lỗi quy ước (10,9%) và lỗi ngữ nghĩa (10,7%). Các lỗi phổ biến nhất lần lượt là lỗi từ vựng, lỗi diễn giải sai và lỗi chưa chỉnh sửa đủ. Nghiên cứu làm rõ những thách thức mà SV EFL gặp phải khi diễn đạt lại, bao gồm chuyển đổi ngôn ngữ, hiểu văn bản nguồn và tuân thủ các chuẩn mực học thuật. Đặc biệt, các lỗi diễn giải sai là vấn đề nghiêm trọng, cho thấy hạn chế trong khả năng đọc hiểu và tư duy phản biện.

Kết quả cho thấy diễn đạt lại là một kỹ năng phức tạp, nhất là trong phần mở bài - nơi SV phải diễn đạt lại đề bài, tích hợp nguồn và trình bày luận điểm. Những lỗi này xuất phát từ nhiều yếu tố như ảnh hưởng của ngôn ngữ mẹ đẻ (L1), vốn từ hạn chế và thiếu hiểu biết về cấu trúc bài luận. Nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của các phương pháp giảng dạy tích hợp, không chỉ để cải thiện kỹ thuật diễn đạt lại (từ vựng, ngữ pháp, cú pháp) mà còn để nâng cao kỹ năng tu từ và tư duy phản biện. Các nghiên cứu trong tương lai có thể tập trung vào đánh giá hiệu quả của các phương pháp giảng dạy cụ thể và so sánh các lỗi diễn đạt lại trong các phần khác nhau của bài luận để hiểu rõ hơn về sự khác biệt trong bối cảnh học thuật.

Tài liệu tham khảo

[1] Bailey, S. (2011), *Academic Writing: A Handbook for International Students (3rd ed.) (Viết học thuật: Cẩm nang dành cho sinh viên quốc tế)*. Routledge.

[2] British Council. (2023), *Top five paraphrasing techniques (video included) (Năm kỹ thuật diễn đạt lại hàng đầu (bao gồm video))*. https://www.britishcouncil.vn/en/adults/tips/top-five-paraphrasing-techniques-video-included.

[3] Hirvela, A., & Du, Q. (2013), *"Why am I paraphrasing?": Undergraduate ESL writers' engagement with source-based academic writing and reading ("Tại sao tôi đang diễn đạt lại?": Sự tham gia của người viết tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai trong viết và đọc học thuật dựa trên nguồn tài liệu)*. Journal of English for Academic Purposes (Tạp chí Tiếng Anh cho Mục đích học thuật), 12(2), pp. 87-98.

[4] Howard, R. M., Serviss, T., & Rodrigue, T. K. (2010), *Writing from sources, writing from sentences (Viết từ nguồn, viết từ câu). Writing & Pedagogy (Viết và Sư phạm), 2(2), pp. 177-192.*

[5] Pecorari, D. (2008). *Academic Writing and Plagiarism: A Linguistic Analysis (Viết học thuật và đạo văn: Một phân tích ngôn ngữ học)*. London: Continuum.

[6] Swales, J. (1990), *Genre analysis: English in academic and research settings (Phân tích thể loại: Tiếng Anh trong bối cảnh học thuật và nghiên cứu)*. Cambridge University Press, Cambridge.

[7] Chi, D. N., & Nguyễn, T. K. T. (2017), *Diễn đạt lại trong viết học thuật: Nghiên cứu tình huống về người học Tiếng Anh tại Việt Nam.* Language Education in Asia (Giáo dục Ngôn ngữ tại Châu Á), 8(1), pp. 9-24.

[8] Letsoela, P. M., & Matlosa, L. (2022), *Lexical semantic errors in undergraduate students' academic writing (Lỗi ngữ nghĩa từ vựng trong bài viết học thuật của sinh viên đại học).* Journal of Creative Practices in Language Learning and Teaching (Tạp chí Thực hành Sáng tạo trong Học tập và Giảng dạy Ngôn ngữ), 10(1), pp. 12-28.

[9] Hemchua, S., & Schmitt, N. (2006), *An analysis of lexical errors in the English compositions of Thai learners (Phân tích các lỗi từ vựng trong bài viết tiếng Anh của người học Thái).* Prospect (Triển vọng), 21(3), pp. 3-25.

[10] Phạm, Q. N., & Hồ, P. V. P. (2024), *Thách thức khi diễn đạt lại trong viết học thuật tiếng Anh: Góc nhìn từ sinh viên Việt Nam.* Tạp chí Quốc tế về Giảng dạy Tiếng Anh và Giáo dục, 4(1), pp. 123-134.

[11] Loh, Y. L. (2013), *Errors in paraphrasing and strategies in overcoming them (Lỗi trong diễn đạt lại và các chiến lược khắc phục)*. Journal of Creative Practices in Language Learning and Teaching (Tạp chí Thực hành Sáng tạo trong Học tập và Giảng dạy Ngôn ngữ), 1(1), pp. 1-17.

[12] Walden University (2024), *Ineffective paraphrasing strategies (Các chiến lược diễn đạt lại không hiệu quả)*, Writing - Academic Guides (Viết - Hướng dẫn Học thuật).

[13] Howard, R. M. (2007), *Understanding "Internet plagiarism" (Hiểu về "đạo văn trên Internet").* Computers and Composition (Máy tính và Viết lách), 24(1), pp. 3-15.

[14] Kim, J., & Lee, S. (2019), *Analyzing paraphrasing errors in the writing of Korean EFL learners (Phân tích các lỗi diễn đạt lại trong bài viết của người học Tiếng Anh tại Hàn Quốc)*. Seoul National University (Đại học Quốc gia Seoul).